

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2019

*V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Quynh

2. Ông Vương Thanh Chiến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 15/02/2019 về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản vô hiệu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ **Trương Thị L**, sinh năm 1926;

Địa chỉ: đường B, khu 15, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019)

2. Bị đơn: **Văn phòng công chứng N**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thọ H - Trưởng văn phòng;

Địa chỉ: đường T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

a. Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số 7/42 T, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

b. Anh Phạm Thành Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 13B/207 T, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

c. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

d. Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2019)

e. Ông Dương Văn T, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

g. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Dương Văn T, sinh năm 1945

Địa chỉ: Xóm 9, thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc, nguyên đơn là cụ Trương Thị L và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Cụ Trương Thị L có con gái là bà Trần Thị K. Ngày 23/01/2017, bà K chết để lại di sản thừa kế, trong đó có một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03, diện tích 111,8m² tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (tài sản chung của vợ chồng bà K, ông Y). Khi bà K chết thì người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà K có: Cụ L, ông Phạm Văn Y (chồng bà K) và anh Phạm Thành Đ (con bà K). Ngày 12/6/2018, ông Y và anh Đ đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản có nội dung xác định cụ: Trương Thị L chết năm 2007; thời điểm mở thừa kế thì những người hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị K chỉ có 02 người là ông Phạm Văn Y (chồng bà K) và anh Phạm Thành Đ (con trai bà K), rồi phân chia di sản của bà K là 1/2 diện tích thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03 tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương cho ông Y và anh Đ; anh Đ tặng cho lại toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng cho bố đẻ là ông Phạm Văn Y. Văn bản này đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018, số công chứng 693, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó, thửa đất trên đã được đăng ký

biến động tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N xác định chủ sử dụng thửa đất trên là ông Phạm Văn Y. Khi ông Y thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác thì cụ L biết đã ngăn cản lại nên việc sang tên thửa đất chưa thực hiện được. Phía nguyên đơn cho rằng việc Văn Phòng công chứng N công chứng văn bản trên xác định cụ L đã chết trong khi cụ vẫn đang còn sống là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của cụ, vì vậy, yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018 là vô hiệu. Ngoài ra, phía nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các giao dịch chuyển nhượng liên quan đến thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03, diện tích 111,8m² tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Tại bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, ông Đinh Thọ H*
– *Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018. Khi thực hiện việc công chứng văn bản này, Văn Phòng công chứng N đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Điều 41 Luật Công chứng năm 2014 và các quy định khác của pháp luật. Việc soạn thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là do Văn Phòng công chứng N lập theo yêu cầu của ông Y và anh Đ. Ông Y là người khai cụ L đã chết năm 2007 tại sơ yếu lý lịch tự thuật (có chứng thực của UBND phường B). Việc ông Y khai cụ Trương Thị L chết trong khi cụ L vẫn còn sống là ảnh hưởng đến quyền được thừa kế di sản của cụ L và lỗi hoàn toàn là của ông Y. Nay cụ L khởi kiện Văn Phòng công chứng N, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu, Văn Phòng công chứng N xác định Văn phòng Công chứng không có lỗi nên không phải là bị đơn, mà chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Y là người có lỗi trong việc xác định cụ L đã chết nên ông Y mới là bị đơn. Nếu tòa án tuyên văn bản công chứng vô hiệu, quan điểm của Văn Phòng công chứng N là ông Y phải có trách nhiệm nộp án phí và chịu các hậu quả liên quan đến việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Y trình bày:* Thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03, diện tích 111,8m² tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương là tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà K, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/01/2012 tên vợ chồng ông. Ngày 23/01/2017, bà K chết. Đến ngày 12/6/2018, ông và con trai là Phạm Thành Đ đã

đến Văn Phòng công chứng N làm thủ tục phân chia di sản. Do nhận thức thừa đất trên là tài chung của vợ chồng ông nên chỉ ông và con ông mới có quyền được hưởng di sản thừa kế của bà K để lại; muốn các thủ tục giải quyết cho nhanh gọn nên ông có kê khai mẹ vợ là cụ Trương Thị L đã chết. Văn Phòng công chứng N đã công chứng văn bản thỏa thuận này. Ông đã làm thủ tục đăng ký biến động tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N để xác định ông là chủ sử dụng. Ông cũng đã thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên bằng giấy viết tay cho vợ chồng ông H, bà Đ. Do ông H không có nhu cầu sử dụng thửa đất nên vợ chồng ông H bảo ông làm thủ tục chuyển nhượng trực tiếp thửa đất trên sang cho vợ chồng ông T, bà T. Giữa ông và vợ chồng ông T đã làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên và được công chứng tại Văn Phòng công chứng N, nhưng chưa sang tên vợ chồng ông T được vì cụ L có đơn yêu cầu dừng lại. Nay cụ L đề nghị Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa ông và con trai là Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018 vô hiệu, quan điểm của ông là cũng nhất trí. Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố văn bản này vô hiệu. Các giao dịch chuyển nhượng giữa ông với vợ chồng ông H và vợ chồng ông T, ông cũng không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thành Đ trình bày:* Thống nhất với quan điểm của ông Y. Ngoài ra, anh Đ cho rằng, do thửa đất trên là tài sản chung của bố mẹ anh (ông Y, bà K), nên sau khi mẹ anh chết, ngày 12/6/2018, bố anh có bảo anh đến Văn Phòng công chứng N để làm thủ tục phân chia di sản thừa kế, anh đã đồng ý đến đó và ký văn bản thống nhất tặng cho toàn bộ phần di sản anh được hưởng trong thửa đất đó cho bố anh là ông Y, để bố anh có toàn quyền quyết định. Khi ký văn bản thì anh cũng không để ý đến nội dung. Nay anh được biết bà ngoại anh cũng có quyền lợi trong khối di sản mẹ anh để lại và có đơn khởi kiện Văn Phòng công chứng N yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu. Quan điểm của anh là hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ trình bày:* Ông và ông Y là anh em con chú con bác ruột, ông là em. Sau khi vợ ông Y là bà K mất, ông thấy ông Y định bán thửa đất số 349, tờ bản đồ số 3 tại xã Đ, huyện N diện tích 111,8m² nên có bảo ông Y bán thửa đất trên cho vợ chồng ông. Sau đó, ông Y và ông đã làm thủ tục mua bán viết tay ngày 13/3/2018 và giao tiền nhưng chưa làm thủ tục công chứng hợp

đồng và sang tên bìa đất. Khoảng tháng 6/2018, vợ chồng ông T có đặt vấn đề mua thửa đất này. Ông đã đồng ý bán lại thửa đất trên cho vợ chồng ông T. Ông có bảo ông Y làm thủ tục hợp đồng công chứng và sang tên trực tiếp từ ông Y sang cho phía ông T. Giữa vợ chồng ông T và ông Y đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên. Hợp đồng này đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng N, tỉnh Hải Dương theo số công chứng số 723, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD. Khi hai bên đang làm thủ tục sang tên thửa đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N thì có yêu cầu dừng làm các thủ tục chuyển nhượng của cụ L nên việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng ông T phải dừng lại. Nay cụ Trương Thị L yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018, số công chứng 693, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD quan điểm của ông là nhất trí việc đề nghị của cụ L và không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả của văn bản công chứng vô hiệu. Đối với các giao dịch giữa vợ chồng ông với ông Y và vợ chồng ông T ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Trường hợp không tự thỏa thuận giải quyết được, ông sẽ yêu cầu tòa án giải quyết sau.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:* Khoảng tháng 6/2018, ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị T có nhu cầu mua đất để làm quán cho con dâu. Do ông được biết ông Phạm Văn H có mua của ông Phạm Văn Y thửa đất 349, tờ bản đồ số 3 tại xã Đ, huyện N nhưng chưa làm thủ tục hợp đồng công chứng, sang tên. Do ông H không có nhu cầu sử dụng thửa đất đó nên vợ chồng ông có đặt vấn đề mua thửa đất trên. Sau đó, ông H bảo ông Y làm thủ tục bán thửa đất trên trực tiếp với vợ chồng ông. Ngày 15/6/2018, vợ chồng ông và ông Phạm Văn Y đã tiến hành thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên. Hợp đồng này đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng N, tỉnh Hải Dương theo số công chứng số 723, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD. Khi đang làm thủ tục sang tên thửa đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N thì có yêu cầu dừng làm các thủ tục chuyển nhượng của cụ L nên việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng ông phải dừng lại. Nay cụ Trương Thị L yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018, số công chứng

693, quyền số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD quan điểm của ông là đề nghị Tòa án cứ tiến hành tuyên bố văn bản trên vô hiệu theo quy định pháp luật. Ông không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả của văn bản công chứng trên vô hiệu. Đối với hợp đồng ký giữa vợ chồng ông và ông Y, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Trường hợp không tự thỏa thuận giải quyết được, ông sẽ yêu cầu tòa án giải quyết sau.

- Tại biên bản xác minh với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N xác định: Ngày 14/6/2018, ông Phạm Văn Y có đơn đăng ký biến động đất đai, kèm theo các tài liệu liên quan. Sau khi xem xét thấy hồ sơ đã đảm bảo theo quy định pháp luật, do vậy, ngày 14/6/2018, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N đã vào sổ đăng ký biến động đất đai và xác nhận vào trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại ông Phạm Văn Y đang là chủ sử dụng thửa đất số 349 tờ bản đồ 03 tại xã Đ, huyện N.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày ở trên. Ông Đinh Thọ H – Đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng: Điều 123 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 7, Điều 52 Luật công chứng 2014; khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trương Thị L. Tuyên bố: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng số 693, quyền số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng công chứng N vô hiệu. Về án phí: Buộc Văn Phòng công chứng N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Đ vắng mặt đã ủy quyền cho ông H đại diện; bà Nguyễn Thị T vắng mặt đã ủy quyền cho ông T đại diện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Đ và bà T).

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi bà Trần Thị K chết năm 2017, ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của bà K và được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018, số công chứng 693, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD, sau đó, đã làm thủ tục đăng ký biến động, sang tên thửa đất 349, tờ bản đồ số 3 tại xã Đ, huyện N tên của ông Y và làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho vợ chồng ông H và vợ chồng ông T. Nay cụ Trương Thị L khởi kiện Văn Phòng công chứng N có địa chỉ tại: Số 19 T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu vì lý do văn bản này xác định cụ đã chết là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của cụ. Do vậy, xác định đây là vụ án về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 52 Luật Công chứng 2014.

[3] Về xác định tư cách tố tụng của Văn Phòng công chứng N: Văn Phòng công chứng N bị nguyên đơn là cụ Trương Thị L khởi kiện vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị Văn Phòng công chứng N xâm phạm, do vậy, Văn Phòng công chứng N được xác định là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng tại Văn Phòng công chứng N ngày 12/6/2018, số công chứng 693, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung xác định “cụ Trương Thị L chết năm 2007” và việc giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà K đối với một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03, diện tích 111,8m² tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (là tài sản chung của vợ chồng bà K, ông Y) không đưa cụ L vào diện những người được hưởng thừa kế, trong khi thời điểm mở thừa kế cụ L vẫn còn sống là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của cụ L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn – Văn Phòng công chứng N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Y đều xác định việc văn bản thỏa thuận nêu trên xác định cụ L chết xuất phát từ việc ông Y cung cấp sơ yếu lý lịch tự thuật có kê khai cụ L chết và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B. Tại Sơ yếu lý lịch tự thuật ghi ngày 10/4/2018 do ông Y nộp tại Văn Phòng công chứng N cũng thể hiện nội dung ông Y kê khai “Mẹ vợ Trương Thị L sinh năm 1927 chết năm 2007”. Văn bản này có chứng thực chữ ký ngày 12/4/2018 của UBND phường B.

Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu trên của ông Y là sai sự thật, vi phạm điều cấm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật công chứng 2014. Do vậy, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng số 693, quyền số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng công chứng N cũng vi phạm điều cấm của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ vô hiệu, do vậy, yêu cầu của nguyên đơn cụ Trương Thị L yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng trên vô hiệu có cơ sở được chấp nhận theo quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự.

[5] Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 349, tờ bản đồ số 03, diện tích 111,8m² tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương giữa ông Y với vợ chồng ông H, vợ chồng ông T nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là Văn Phòng công chứng N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 123 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 7, Điều 52 Luật công chứng 2014; khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 68; khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trương Thị L.

Tuyên bố: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/6/2018 giữa ông Phạm Văn Y và anh Phạm Thành Đ, được công chứng số 693, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng công chứng N vô hiệu.

2. Về án phí: Buộc Văn Phòng công chứng N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang